

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 01/04/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		SAVR+PVD8+TTC1	7:25	3+15+1	0+0+0		3+17+1	0+0+0	
2		BK4+BK8+MRM	9:25	0+0+19	0+0+0		0+0+21	0+0+0	chuyen 2 BK4- BK8
3		PVD8+SAVR+TD5	11:50	17+0+0	0+0+0		16+5+0	0+0+0	chuyen 1 Savr- Td5
4		MRM+RP3+RP2	13:30	8+5+0	0+0+0		5+3+13	0+0+0	

TTBĐSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày Savr-2ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO:SAVR- PVD8 - TTC1	CREW: VIỆT - CHIẾN - THỤ	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM26/1446	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	KRAMARENKO VALERY	SAVR						67	KH-THAC	Russian
2	KOMPASENKO ELENA	SAVR						75	AMHIP	Russian
3	NGUYEN ĐỨC THƯA THIÊN	SAVR	34-35	2	16	2	11	72	BAKER HUC	Vietnamese
4	TRINH XUAN CUONG	PVD8	55	1	5			67	PVD DD	Vietnamese
5	LÊ TẤN ĐẠT	PVD8	56	1	5			54	PVDO	Vietnamese
6	TRẦN QUỐC HOÀNG	PVD8	53	1	8			100	PVDO	Vietnamese
7	NGUYEN DUY THANH	PVD8	59	1	4			81	PVDO	Vietnamese
8	TRẦN QUỐC TUÂN	PVD8	51-52	2	10			72	PVDO	Vietnamese
9	TRẦN VĂN THÀNH	PVD8	61	1	8			57	PVDO	Vietnamese
10	PHAN VĂN TRINH	PVD8	60	1	6	1	14	70	PVDO	Vietnamese
11	BUI TRỌNG TOÀN	PVD8	49	1	7			82	KHOAN	Vietnamese
12	HUYNH QUỐC DUNG	PVD8	57	1	15			82	DMC-MI	Vietnamese
13	PHAM VAN HUNG	PVD8	50	1	10			80	HALLIBUR	Vietnamese
14	NGUYEN QUOC TUAN	PVD8	44-45	2	18			84	PVD LOGGI	Vietnamese
15	PHAM XUAN HUY	PVD8	47-48	2	16			86	PVD LOGGI	Vietnamese
16	NGUYEN VAN HUÂN	PVD8	46	1	10			79	PVD DD	Vietnamese
17	IAN CRAIG BREETON	PVD8	59	1	9			94	PVD DD	British
18	NGUYEN CONG CHUC	PVD8	54	1	7			73	PVD DD	Vietnamese
19	PHAN XUAN HOA	TTC1	99	1	6	1	5	67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	SAVR	3	214	2	16	2	11	3		
2	PVD8	15	1.161	18	138	1	14	17		
3	TTC1	1	67	1	6	1	5	1		
TOTAL		19	1.442	21	160	4	30	21		
WEIGHT KG			1.442		160		30			

GRAND TOAL: 1.632 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐỖ THỊ HẢI YẾN

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

ĐỖ VĂN CHIẾN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
B.CARD: CAM-2	TO: BK4 - BK8 - MRM	CREW: VIỆT - CHIÊN - THỤ	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM26/1447	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN VIỆT TRUNG	MRM	33	1	12			79	KHOAN	Vietnamese
2	EREMEEV EVGENII	MRM	94	1	12			97	KHOAN	Russian
3	PHẠM ĐÌNH SINH	MRM	92	1	10			70	DVL	Vietnamese
4	VŨ HAI THĂNG	MRM	95	1	13			76	DVL	Vietnamese
5	NGUYỄN NGỌC NINH	MRM	32	1	17			74	DVL	Vietnamese
6	TÔNG TIÊN QUANG	MRM	89	1	15			80	DVL	Vietnamese
7	LY NHẬT TRƯỜNG	MRM	36	1	10			75	DVL	Vietnamese
8	PHAN TUẤN ĐỨC	MRM	37	1	10			65	DVL	Vietnamese
9	PHẠM VĂN TƯỜNG	MRM	31	1	10			83	DVL	Vietnamese
10	PHẠM XUAN HUNG	MRM	93	1	13			70	DVL	Vietnamese
11	ROIK NIKOLAI	MRM	18	1	13			89	AMHTP	Russian
12	VŨ ANH TRỌNG	MRM	88	1	10			67	DVL	Vietnamese
13	PHẠM VĂN SANG	MRM	90-91	2	18			70	DVL	Vietnamese
14	ZHESTKOV ALEXEY	MRM	34-35	2	15			108	AMHTP	Russian
15	NADIR RAKHMATULIN	MRM	26-27	2	20			86	AMHTP	Russian
16	ZAPASNIK ILIA	MRM	30	1	10			110	AMHTP	Russian
17	DAULETIAROV MAKSIM	MRM	28-29	2	16			98	AMHTP	Russian
18	BAGAUTDINOV RENAT	MRM	38-39	2	18			71	AMHTP	Russian
19	KOSTRYKIN ALEKSANDR	MRM	24-25	2	16			80	AMHTP	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE				ARRIVAL		REMARK	
		PAX	PAX WT	BAG.		PAX	CARGO		
				PCS	WT				PCS
1	BK4	0	0	0	0	2	35	0 + 2	CHUYEN 2 PAX BK4-BK8
2	BK8	0	0	0	0	0	0	0	
3	MRM	19	1.548	25	258	0	0	21	
TOTAL		19	1.548	25	258	2	35	21	
WEIGHT KG			1.548		258		35		

GRAND TOAL: 1.841 KGS

VSP REP.

(Signature)

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

(Signature)

BÙI THỊ HIỀN LƯƠNG

CREW

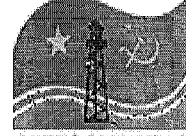
(Signature)

NGUYỄN QUANG VIỆT

ĐỖ VĂN CHIÊN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
B.CARD: XANH-3	TO: PVD8 - SAVR - TD5	CREW: LINH - TTRUNG - QTRƯỜNG	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM26/1448	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRẦN XUÂN ANH	PVD8	93	1	4			59	PVDO	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH BÌNH	PVD8	90	1	4			71	PVDO	Vietnamese
3	NGUYỄN NGỌC HIỆU	PVD8	92	1	5			83	PVDO	Vietnamese
4	NGUYỄN MẠNH TUÂN	PVD8	96-97	2	9			93	PVDO	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐÔNG HẢI	PVD8	95	1	3			55	PVDO	Vietnamese
6	NGÔ TRUNG KIẾN	PVD8	91	1	3			57	PVDO	Vietnamese
7	LƯƠNG TÂN SANG	PVD8	98	1	6			76	PVDO	Vietnamese
8	ĐAM QUANG THANH	PVD8	99	1	9			75	PVDO	Vietnamese
9	LƯU PHÚC DỰ	PVD8	94	1	7			85	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	PVD8	86	1	5			57	PSV	Vietnamese
11	VŨ VĂN CUONG	PVD8	84-85	2	10			86	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐAM QUANG TRUNG	PVD8	87	1	16			56	PVDWS	Vietnamese
13	TRẦN NAM DUY	PVD8	88-89	2	9			79	OLES	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐÌNH PHÚC	PVD8	79-81	3	13			90	OLES	Vietnamese
15	NGUYỄN HỮU PHU	PVD8	76-78	3	13			74	PVD TECH	Vietnamese
16	NGUYỄN MINH PHƯƠNG	PVD8	82	1	6			77	PVD TECH	Vietnamese
17	PHẠM VĂN THAI	PVD8	83	1	9			67	PVD TECH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	17	1.240	24	131	0	0	16		
2	SAVR	0	0	0	0	0	0	5	CHUYEN 1 PAX SAVR-TD5	
3	TD5	0	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		17	1.240	24	131	0	0	21		
WEIGHT KG			1.240		131		0			

GRAND TOAL: 1.371 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN QUANG THỊNH

CREW

NGÔ VĂN LINH

NGUYỄN THÀNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 14:30
B.CARD: CAM - 4	TO:MRM - RP3 - RP2	CREW: LINH - TTRUNG - QTRƯỜNG	ETA: 16:20
VSP FLIGHT: 04		VNHS FLIGHT: TM26/1449	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN XUÂN THÀNH	MRM	41	1	8			51	AMHFP	Vietnamese
2	TRẦN ANH TUẤN	MRM	40	1	5			62	AMHFP	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN NGHỆ	MRM	42	1	6			71	AMHFP	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN THỦ	MRM						66	AMHFP	Vietnamese
5	ĐẶNG PHÚ LỢI	MRM	46	1	7			63	AMHFP	Vietnamese
6	NGUYỄN MINH THĂNG	MRM	47-49	3	13			59	AMHFP	Vietnamese
7	VŨ ĐÌNH TUẤN	MRM	43	1	9	2	13	75	AMHFP	Vietnamese
8	HỒ NGUYỄN PHÚC	RP3	83-84	2	13			82	CODIEN	Vietnamese
9	VŨ VĂN TINH	RP3	82	1	9			71	CODIEN	Vietnamese
10	NGUYỄN DANH TRUNG	RP3	85-86	2	19	2	22	70	CODIEN	Vietnamese
11	LÊ BÁ TỬ	RP3	81	1	6			65	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	MRM	7	447	8	48	2	13	5		
2	RP3	4	288	6	47	2	22	0		
3	RP2	0	0	0	0	2	19	13		
TOTAL		11	735	14	95	6	54	18		
WEIGHT KG			735		95		54			

GRAND TOAL: 884 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ÁNH

CREW

NGÔ VĂN LINH
 NGUYỄN THÀNH TRUNG